

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **244** /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2017

(V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Sáu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Phú**;
2. Ông **Phan Phước Tân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Nhựt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017, về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1987;

Cư trú: Tổ 15, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **La Thị L**, sinh năm 1986;

Cư trú: Tổ 29, ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông C có mặt, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Phạm Văn C; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Hôn nhân của ông Nguyễn Văn C với bà La Thị L là do gia đình sắp đặt tiến đến hôn nhân, được tổ chức lễ cưới vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà L đam mê cờ bạc nên hai người thường cãi vã. Trong năm 2008, bà L bỏ về nhà cha mẹ ruột, hai người ly thân từ đó cho đến nay. Do không còn tình cảm, nên ông C xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L không tham gia phiên họp công khai, tài liệu chứng cứ và hòa giải nên không thể ghi nhận ý kiến của bà L.

Về chứng cứ:

Ông Phạm Văn C cung cấp: Giấy chứng minh nhân, sổ hộ khẩu, xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N về việc ông C chưa đăng ký kết hôn.

Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của bà La Thị L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông Phạm Văn C và bà La Thị L không có đăng ký kết hôn, nên đề nghị không công nhận là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà L đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L là phù hợp với quy định tại Điều 227, 288 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Hôn nhân giữa ông Phạm Văn C với bà La Thị L có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông C xin ly hôn với bà L, bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A theo quy định tại các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của ông C và bà L là do gia đình sắp đặt tiến đến hôn nhân. Vào thời điểm tổ chức lễ cưới năm 2007 thì ông C và bà L có đủ điều kiện được đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 nhưng ông bà đã không đăng ký là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của ông C và bà L là không có giá trị pháp lý. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2000/NQ.HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp giữa ông C và bà L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Ông C xác định chưa có con chung, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông C xác định không có, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu bà L có tài liệu, chứng cứ chứng minh là có tài sản chung hoặc nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu bà L có yêu cầu thì sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] *Về án phí*: Ông Phạm Văn C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Phạm Văn C với bà La Thị L là vợ chồng.

Về án phí: Ông Phạm Văn C phải chịu **300.000 đồng** (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010967 ngày 27/3/2017. (Ông C đã nộp đủ).

Ông C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/8/2017); bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Sáu